

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2019

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trần Thanh Khen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:139/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 74, tổ 7, khóm Z, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị **Dương Thị Kim N**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 74, tổ 7, khóm Z, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị N tiến tới hôn nhân trên cơ sở làm mai, cả hai tìm hiểu sau đó tổ chức lễ cưới với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/11/2013. Sau khi kết hôn chị N về chung sống bên gia đình anh P tại khóm Z, thị trấn H một thời gian, sau đó cả hai đi làm ở Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 7/2014 thì P sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cự cãi

làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, Đến năm 2016 chị N đã về nhà cha mẹ ruột ở An Giang sinh sống từ đó cho đến nay. Nay anh Nguyễn Tấn P yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị Kim N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Dương Tấn T, sinh ngày 28/3/2012 và Nguyễn Dương Tấn L, sinh ngày 18/3/2016. Hiện tại cháu Tấn T đang sống chung với anh P còn cháu Tấn L do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Tấn T và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; anh P đồng ý giao cháu Nguyễn Dương Tấn L cho chị N nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Dương Tấn T cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha vì cha lo cho con ăn học.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Dương Thị Kim N đến Tòa án làm việc nhưng chị N không đến, không gửi bản khai ý kiến gì cho Tòa án về việc anh P yêu cầu ly hôn với chị, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị Kim N, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh thừa nhận vợ chồng chung sống thường cự cãi nhau trong sinh hoạt gia đình, nên năm 2016 chị N bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống, anh có đến nhà chị N thì có gặp chị N và gia đình chị N nói sống không hạnh phúc thì ly hôn, đến năm 2018 chị N có về thăm con một lần và bỏ đi từ đó cho đến nay, vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị N. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Dương Tấn T, sinh ngày 28/3/2012 và Nguyễn Dương Tấn L, sinh ngày 18/3/2016. Hiện tại cháu Tấn T đang sống chung với anh P còn cháu Tấn L do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Tấn T và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; anh P đồng ý giao cháu Nguyễn Dương Tấn L cho chị N nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh có cung cấp bản khai ý kiến của cháu Tấn Tài cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha là Nguyễn Tấn P.

Về tài sản chung và về nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập lần hai nhưng chị N vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, thông báo niêm yết công khai hai lần chị Dương Thị Kim N đến Tòa án mở phiên tòa xét xử, chị N không đến, anh P cho rằng chị N đã bỏ đi cho đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định “Trường hợp đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc có trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là” Đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn. Xét chị N có đăng ký hộ khẩu tại tổ 7, khóm Z, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long từ đó cho đến nay khi chị N bỏ đi cũng không thay đổi địa chỉ và không thông báo cho anh P, nên Tòa án tiến hành thông báo, niêm yết giải quyết vụ án ly hôn này theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt chị Dương Thị Kim N.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn P và chị Dương Thị Kim N tiến đến hôn nhân mai mối cả hai tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lng Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn anh P cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng P sinh mâu thuẫn do cự cãi nhau, nên chị N bỏ đi từ năm 2016, đến năm 2018 chị có về thăm con một lần không gặp anh P. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, chị N không đến Tòa án và không gửi bản khai ý kiến gì về việc anh P yêu cầu ly hôn với chị, chị bỏ đi mà không nghĩ gì tình cảm vợ chồng. Xét hôn nhân giữa anh P và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã không còn sống chung, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận cho anh Nguyễn Tấn P được ly hôn chị Dương Thị Kim N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Dương Tấn T, sinh ngày 28/3/2012 và Nguyễn Dương Tấn L, sinh ngày 18/3/2016. Hiện tại cháu Tấn T đang sống chung với anh P còn cháu Tấn L do chị N đang nuôi dưỡng, anh P khai khi chị N bỏ đi có dẫn cháu Tấn L theo, nay ly hôn mỗi người nuôi một cháu. Xét cháu Tấn T, sinh ngày 28/3/2012 hiện nay cháu đã 07 tuổi, tại bản ghi ý kiến cháu viết cha mẹ ly hôn con muốn sống chung với cha, vì cha lo cho con ăn học. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Dương Tấn T là phù hợp, vì hiện nay cháu Tấn T do anh P đang nuôi dưỡng, để không làm xáo trộn tinh thần, học tập của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Dương Tấn T cho anh Nguyễn Tấn P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Dương Tấn L hiện nay đang ở với chị N, vì vậy giao cháu Tấn

L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Tấn P và chị Dương Thị Kim N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh P, chị N thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn P không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu Tấn T, chị N vắng mặt không có ý kiến gì. Xét các bên không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tấn P được ly hôn với chị Dương Thị Kim N.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Tấn T, sinh ngày 28/3/2012 cho anh Nguyễn Tấn P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Dương Tấn L, sinh ngày 18/3/2016 cho chị Dương Thị Kim N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tấn P và chị Dương Thị Kim N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh P, chị N thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt

ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Tấn P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005094 ngày 05/8/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh P đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

